

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-XNK LOTUS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ - XNK LOTUS VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính :

Số 35C/254/101/3

Mã số doanh nghiệp: 0108700896

Ngày thành lập: 12/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 35C/254/101/3, M. K. a, P. Ma, Q. H. Ma, T. H. N., V. Na

Email: Fax: Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------|-------------|
| 1.  | B ( a )                 | 4511(Chính) |
| 2.  | B ( 9 ) ( a )           | 4512        |
| 3.  | ( a )                   | 4513        |
| 4.  | B , a a                 | 4520        |
| 5.  | B khác ( a ) a          | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy ( a ) | 4541        |
| 7.  | B a a ,                 | 4542        |
| 8.  | B a , ( a )             | 4543        |
| 9.  | B , , a                 | 4661        |
| 10. | B a a                   | 4730        |
| 11. | L                       | 4321        |
| 12. | L                       | 4329        |
| 13. | H                       | 4330        |
| 14. | B , a ,                 | 4641        |



|     |       |               |      |
|-----|-------|---------------|------|
| 32. | D     | a             | 8130 |
| 33. | T     |               | 8230 |
| 34. | D     |               | 8560 |
| 35. |       |               | 8532 |
| 36. | C     | a; M a a      | 4610 |
| 37. | I     |               | 1811 |
| 38. | D     | a             | 1812 |
| 39. | S a a | ,             | 3312 |
| 40. | L     |               | 3320 |
| 41. | H     | a a           | 8299 |
|     | C     | : X , a ( a ) |      |

**6. Vốn điều lệ:** 800.000.000 VN

Tám trăm triệu đồng Việt Nam

M :

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 80.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | O TU N<br>PH NG    | T 5, P Ma<br>, Q<br>Hoàng Mai,<br>T H<br>N , V Na                                    | C            | 19.200     | 192.000.000           | 24,000    | 0440830000<br>02                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                      | thông        |            |                       |           |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | T            | 19.200     | 192.000.000           | 24,000    |                                                                                             |         |
| 2   | TR N V N<br>QUY T  | Xóm 1, Xã Kim<br>M , H K<br>S , T N<br>B , V Na                                      | C            | 8.000      | 80.000.000            | 10,000    | 0370930045<br>48                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                      | thông        |            |                       |           |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | T            | 8.000      | 80.000.000            | 10,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUY N<br>NG CLI N | T 16, X L<br>N , T<br>H , T<br>Q B , V<br>Nam                                        | C            | 33.600     | 336.000.000           | 42,000    | B5935920                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                      | thông        |            |                       |           |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | T            | 33.600     | 336.000.000           | 42,000    |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                            |       |        |             |        |                  |  |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------|-------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 4 | NGUY N<br>TH NH B | 1014 HH4A H<br>L<br>P H<br>L , Q H<br>Ma , T<br>H N , V Na | C     | 19.200 | 192.000.000 | 24,000 | 0330840031<br>95 |  |
|   |                   |                                                            | thông |        |             |        |                  |  |
|   |                   |                                                            | T     | 19.200 | 192.000.000 | 24,000 |                  |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* H : NGUY N NG C LI N

G : Nam

C a : Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1983

D : Kinh

Q : Việt Nam

L : Hộ chiếu Việt Nam

S : B5935920

N : 27/12/2011

N : Cục Quản lý xuất nhập cảnh

N : Thôn 16, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

C : Thôn 16, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: P a T H N